CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ
DN: C=VN, S=Hà Nội, O=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5500512492
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.03.31 21:27:09+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.1

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	11 – 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500512492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 06/01/2015 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 13/08/2025.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 19 là: 385.673.630.000 VNĐ.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ:	Tầng 17, nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 phố Vạn Phúc, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội.
Điện thoại:	0246 2962 699
Website:	www.honghagroup.com.vn
Mã số thuế:	5500512492

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Lê Văn Đức	Chủ tịch HĐQT	
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	
Ông Phạm Văn Luận	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 15/08/2025
Ông Hồ Công Danh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 15/08/2025
Ông Kunwar Pramod Singh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 15/08/2025
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 15/08/2025
Ông Lưu Chiến Thắng	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 15/08/2025
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 15/08/2025

Ban Kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Phạm Giang Hoàng Vũ	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 06/02/2026
Ông Nguyễn Khánh Tùng	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 06/02/2026

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Dương Quân Anh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 06/02/2026
Ông Đặng Quốc Hưng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06/02/2026
Bà Bùi Phương Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06/02/2026

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Phạm Văn Luận	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/08/2025
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12/08/2025
Ông Phan Giang Châu	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 12/08/2025
Bà Trần Ngọc Lan	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 12/08/2025

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2025 đến ngày 11/08/2025 là ông Nguyễn Tuấn Dũng và từ ngày 12/08/2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Phạm Văn Luận - Tổng Giám đốc.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngoài các sự kiện đã nêu tại thuyết minh 6.2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính thì Công ty không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Địa chỉ: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 Vạn Phúc, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

CAM KẾT VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 5500512492 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ÔNG PHẠM VĂN LUẬN
Tổng Giám đốc
Hà Nội, Ngày 31 tháng 03 năm 2026

Số: 2406/2025/BCTC/IAV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2026, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A - TT5 - 3 Khu nhà ở Him Lam Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
A - TT5 - 3, Him Lam Van Phuc Residential Area, Ha Dong Ward, Hanoi City
Tel: +84 247 303 3668 * Website: https://iav.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Vấn đề cần nhấn mạnh", Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 6.2 – "Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính" trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả việc Công ty đã thực hiện huỷ thoái vốn và thực hiện hợp nhất kinh doanh Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu – Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 do chưa hoàn tất các điều kiện tiên quyết kèm theo liên quan đến các hợp đồng chuyển nhượng và phụ lục kèm theo. Theo đó, các bên thống nhất chấm dứt giao dịch, hoàn trả lại quyền và nghĩa vụ liên quan đến khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu cho các nhà đầu tư tại Thuyết minh số 4.12.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này vào ngày 26/03/2025.

M.S.D.N: 0106294213 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NGUYỄN HỮU HOÀN	**VŨ ANH TUẤN**
Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 2417-2023-283-1	Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0577-2025-283-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Hà Nội, Ngày 31 tháng 03 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**99.713.092.163**	**131.923.767.999**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4.1**	**29.391.534.606**	**78.826.607.700**
1. Tiền	111		29.391.534.606	29.326.607.700
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	49.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**34.410.780.000**	**-**
1. Chứng khoán kinh doanh	121	4.2	34.410.780.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**35.860.276.995**	**52.882.565.246**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	-	233.907.300
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	-	48.600.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.5	26.000.000.000	52.210.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.6	9.860.276.995	390.057.946
IV. Hàng tồn kho	**140**		**-**	**-**
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**50.500.562**	**214.595.053**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	9.701.161	22.768.452
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		40.799.401	191.826.601
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**386.780.939.288**	**270.936.114.963**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**59.000.000.000**	**-**
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.6	59.000.000.000	-
II. Tài sản cố định	**220**		**-**	**8.374.288.770**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	-	8.374.288.770
- Nguyên giá	222		-	15.904.107.117
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		-	(7.529.818.347)
III. Bất động sản đầu tư	**230**		**-**	**-**
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**-**	**-**
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**327.772.440.581**	**260.203.345.385**
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.9	334.500.000.000	261.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.727.559.419)	(796.654.615)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**8.498.707**	**2.358.480.808**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	8.498.707	2.358.480.808
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**486.494.031.451**	**402.859.882.962**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**92.687.381.044**	**9.152.880.708**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**92.687.381.044**	**9.152.880.708**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	123.761.783	98.472.763
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	135.429.553	160.025.437
3. Phải trả người lao động	314		58.807.200	-
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	83.475.000.000	-
5. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		8.894.382.508	8.894.382.508
II. Nợ dài hạn	**330**		**-**	**-**
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**393.806.650.407**	**393.707.002.254**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**4.13**	**393.806.650.407**	**393.707.002.254**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		385.673.630.000	385.673.630.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		385.673.630.000	385.673.630.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.447.191.254	4.447.191.254
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.685.829.153	3.586.181.000
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.178.181.000	1.060.426.442
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này	421b		507.648.153	2.525.754.558
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**-**	**-**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**486.494.031.451**	**402.859.882.962**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
PHAN GIANG CHÂU	PHAN GIANG CHÂU	PHẠM VĂN LUẬN

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**5.1**	**38.376.026.400**	**19.527.221.681**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)**	**10**		**38.376.026.400**	**19.527.221.681**
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.2	38.277.537.563	18.950.360.316
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**98.488.837**	**576.861.365**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	9.389.194.857	4.596.160.109
7.	Chi phí tài chính	22	5.4	6.046.467.855	460.629.580
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25		263.000.000	144.563.620
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	2.359.178.881	1.842.482.861
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))**	30		**819.036.958**	**2.725.345.413**
11.	Thu nhập khác	31	5.6	2.206.250.000	-
12.	Chi phí khác	32	5.7	2.386.821.133	39.815.418
13.	**Lợi nhuận khác (40=31-32)**	**40**		**(180.571.133)**	**(39.815.418)**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**638.465.825**	**2.685.529.995**
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.8	130.817.672	159.775.437
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)**	**60**		**507.648.153**	**2.525.754.558**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
PHAN GIANG CHÂU	PHAN GIANG CHÂU	PHẠM VĂN LUẬN

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(theo phương pháp gián tiếp)

	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay VND	Năm trước VND
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***		***638.465.825***	***2.685.529.995***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản***			-	
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		678.629.367	1.125.308.489
-	Các khoản dự phòng	03		5.930.904.804	460.629.580
-	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.580.190.152)	(4.596.160.153)
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		**1.667.809.844**	**(324.692.089)**
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(42.239.836.653)	57.148.994.706
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		83.255.656.110	(17.610.551.196)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.363.049.392	222.587.397
-	Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		(34.410.780.000)	-
-	Thuế TNDN đã nộp	15		(259.973.446)	(245.637.200)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		***10.375.925.247***	***39.190.701.618***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		8.374.288.770	-
2.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(87.410.780.000)	(236.830.000.000)
3.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		87.410.780.000	190.270.000.000
4.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(73.500.000.000)	-
5.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	35.105.000.000
6.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.314.712.889	11.551.102.207
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		***(59.810.998.341)***	***96.102.207***
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay VND	Năm trước VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(49.435.073.094)	39.286.803.825
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		78.826.607.700	39.539.803.875
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.1	29.391.534.606	78.826.607.700

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
PHAN GIANG CHÂU	PHAN GIANG CHÂU	PHẠM VĂN LUẬN

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500512492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 06/01/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 13/08/2025.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 19 là: 385.673.630.000 VNĐ, với cơ cấu vốn góp của các cổ đông như sau:

	31/12/2025		01/01/2025	
	Vốn thực góp *VND*	Tỷ lệ %	Vốn thực góp *VND*	Tỷ lệ %
Ông Đỗ Hà Anh	23.735.000.000	6,15%	-	0%
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	-	0,00%	47.960.000.000	12,44%
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	-	0,00%	29.975.000.000	7,77%
Ông Lê Văn Đức	11.990.000.000	3,11%	11.990.000.000	3,11%
Các cổ đông khác	349.948.630.000	90,74%	295.748.630.000	76,68%
	385.673.630.000	**100%**	**385.673.630.000**	**100%**

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ: Tầng 17, nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226 phố Vạn Phúc, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội.
Điện thoại: 0246 2962 699
Website: www.honghagroup.com.vn
Mã số thuế: 5500512492

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 7 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 17 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nông nghiệp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Bán buôn thóc ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;

Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;

Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh.

1.4. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5. Cấu trúc Doanh nghiệp

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc và độc lập

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hình thức hạch toán	Hoạt động chính
Địa điểm kinh doanh tỉnh Hậu Giang – Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà	Thành phố Cần Thơ	Phụ thuộc	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
Chi nhánh Nhà máy sản xuất – Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà	Sơn La	Độc lập	Sản xuất, thương mại các sản phẩm liên quan nông nghiệp

Các công ty con và công ty liên kết

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Con				
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Hồng Hà	Hà Nội	98,00%	98,00%	Buôn bán đồ dùng khác cho gia đình, bán lẻ thuốc và các dụng cụ y tế
Công ty Cổ phần Green Energy & Environment (*Tên cũ: Công ty TNHH Nông sản Ngọc Lặc Xanh*)	Thanh Hóa	100,00%	100,00%	Buôn bán nông, lâm sản, nguyên liệu
Công ty Cổ phần Cường sinh Yên Châu	Sơn La	98,14%	98,14%	Sản xuất, thương mại
Công ty CP Milli Land (ii)	Khánh Hòa	90,00%	90,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng
Công ty CP Đầu tư Nông nghiệp Bình Thắng (iii)	Vĩnh Long	95,00%	95,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Các Công ty liên doanh, liên kết và Công ty con sở hữu gián tiếp				
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Thương mại Châu Á	Thành phố Cần Thơ	96,04%	96,04%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Dịch vụ, Sản xuất và Kinh doanh Lâm nghiệp Hà Nội	Sơn La	47,04%	48,00%	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống

i) Tại ngày 11 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận chuyển nhượng lại 90% cổ phần (tương đương 4.500.000 cổ phần) tại Công ty Cổ phần Milli Land. Dẫn đến, Công ty Cổ phần Milli Land trở thành Công ty con của Công ty từ ngày này.

ii) Tại ngày 12 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận chuyển nhượng lại 95% cổ phần (tương đương 4.500.000 cổ phần) tại Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Bình Thắng. Dẫn đến, Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Bình Thắng trở thành Công ty con của Công ty từ ngày này.

iii) Tại ngày 16 tháng 6 năm 2025, Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Hồng Hà ("Công ty Nông lâm nghiệp") đã thực hiện thanh lý 58% số lượng cổ phần nắm giữ (tương đương 2.900.000 cổ phần) tại Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Thương mại Châu Á ("Công ty Châu Á") làm cho tỷ lệ quyền biểu quyết giảm từ 98% xuống còn 40%. Dẫn đến, Công ty Châu Á không còn là Công ty con và trở thành Công ty liên kết của Công ty Nông lâm nghiệp sau ngày thoái vốn (tại Thuyết minh số 4).

Tại ngày 02 tháng 8 năm 2025, Công ty Nông lâm nghiệp đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ 40% cổ phần nắm giữ còn lại tại Công ty Châu Á (tương đương 2.000.000 cổ phần). Dẫn đến, Công ty Châu Á không còn là Công ty liên kết của Công ty.

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của số liệu năm trước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Giả định hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Sau đó, Ban Điều hành thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư là cổ phiếu được giao dịch trên thị trường của những công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) được xác định bằng giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước ngày bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh; và Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư dài hạn khác

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào ngày cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết.

3.5. Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

3.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Máy móc thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và chi phí thanh lý tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp kết thúc năm tài chính.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí đào đắp san lấp mặt bằng

Khoản chi phí đào đắp, san lấp mặt bằng khu vực nhà xưởng tại Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (nay là xã Chiềng Hặc, tỉnh Sơn La) được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 20 năm theo thời gian thuê đất.

3.9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

3.10. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

3.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

3.13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có danh sách chốt quyền cổ đông nhận cổ tức.

3.14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.15. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

3.16. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế trong quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chủ yếu bao gồm các chi phí lương nhân viên bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo và hoa hồng bán hàng.

3.17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

3.18. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng

Đối với hoạt động bán nông sản qua sơ chế cho doanh nghiệp ở khâu thương mại: Không phải kê khai tính nộp thuế GTGT. Đối với các hoạt động khác: 10%, 8%.

Thuế TNDN

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.
Công ty con: Công ty TNHH Nông sản Ngọc Lặc Xanh (nay là Công ty Cổ phần Green Energy & Environment được hưởng chính sách ưu đãi thuế áp dụng cho doanh nghiệp thành lập mới thuộc địa bàn kinh tế khó khăn theo quy định tại nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

3.20. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM

Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Hồng Hà thoái vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Thương mại Châu Á

Tại ngày 16 tháng 6 năm 2025, Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Hồng Hà ("Công ty Nông lâm nghiệp") đã thực hiện thanh lý 58% số lượng cổ phần nắm giữ (tương đương 2.900.000 cổ phần) tại Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Thương mại Châu Á ("Công ty Châu Á") làm cho tỷ lệ quyền biểu quyết giảm từ 98% xuống còn 40%. Dẫn đến, Công ty Châu Á không còn là Công ty con và trở thành Công ty liên kết của Công ty Nông lâm nghiệp sau ngày thoái vốn.

Tại ngày 02 tháng 8 năm 2025, Công ty Nông lâm nghiệp đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ 40% cổ phần nắm giữ còn lại tại Công ty Châu Á (tương đương 2.000.000 cổ phần). Dẫn đến, Công ty Châu Á không còn là Công ty liên kết của Công ty.

Công ty nhận chuyển nhượng vốn tại Công ty Cổ phần Milli Land:

Tại ngày 11 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận chuyển nhượng lại 90% cổ phần (tương đương 4.500.000 cổ phần) tại Công ty Cổ phần Milli Land. Dẫn đến, Công ty Cổ phần Milli Land trở thành Công ty con của Công ty từ ngày này.

Công ty nhận chuyển nhượng vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Bình Thắng:

Tại ngày 12 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận chuyển nhượng lại 95% cổ phần (tương đương 4.500.000 cổ phần) tại Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Bình Thắng. Dẫn đến, Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Bình Thắng trở thành Công ty con của Công ty từ ngày này.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 *VND*	01/01/2025 *VND*
Tiền mặt	1.398.674.549	20.738.303
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.992.860.057	29.305.869.397
Các khoản tương đương tiền	-	49.500.000.000
	29.391.534.606	**78.826.607.700**

4.2. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá hợp lý VND
Cổ phiếu				
Công ty CP Tập đoàn TNT (mã TNT)	21.990.372.000	21.225.660.000	-	-
Công ty cổ phần Phân bón Quốc tế Âu Việt (mã AVG)	12.420.408.000	12.420.408.000	-	-
	34.410.780.000	**33.646.068.000**	**-**	**-**

4.3. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công Ty Cổ Phần Cường Sinh Yên Châu	-	233.907.300
	-	**233.907.300**

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty TNHH Đầu tư Amee	-	48.600.000
	-	**48.600.000**

4.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		
Ông Trịnh Quang Huy	-	4.800.000.000
Ông Trịnh Đình Nhân	-	11.000.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Tú	-	3.950.000.000
Phải thu các bên liên quan		
Công ty CP Nông lâm nghiệp Hồng Hà (i)	26.000.000.000	32.460.000.000
	26.000.000.000	**52.210.000.000**

(i) Hợp đồng cho vay số 062025/HSL-HH ngày 25/06/2025, PLHĐ số 2009/2025/HSL-HH/PLHĐ ngày 20/09/2025 và PLHĐ số 2212/2025/HSL-HH/PLHĐ ngày 22/12/2025 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà và Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Hồng Hà. Số tiền vay: 26 tỷ đồng (hai mươi sáu tỷ đồng). Thời hạn vay: 3 tháng. Lãi suất: 3,2%/năm.

4.6. Phải thu khác

4.6.1. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	*VND*	*VND*	*VND*
Phải thu các tổ chức và các cá nhân khác				
Ký cược, ký quỹ	-	-	30.000.000	-
Tạm ứng	9.422.795.754	-	192.439.317	-
Lê Bùi Hồng Ngọc	*5.138.714.384*	-	-	-
Bùi Thị Thùy Linh	*4.284.081.370*	-	-	-
Phải thu khác	*4.385.349*	-	-	
Bảo hiểm xã hội	*4.385.349*	-	-	
Phải thu các bên liên quan		-		-
Công ty CP Nông lâm nghiệp Hồng Hà (lãi dự thu)	433.095.892	-	167.618.629	-
				-
	9.860.276.995	**-**	**390.057.946**	**-**

4.6.2. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	*VND*	*VND*	*VND*
Chi hợp tác đầu tư dự án Nhà ở Minh Ngọc Bình Dương (*)	59.000.000.000			
	59.000.000.000	**-**	**-**	**-**

(*) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 16 tháng 6 năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà và Công ty Cổ phần Minh Ngọc về việc góp vốn thực hiện dự án "Khu nhà ở Minh Ngọc". Theo đó, Công ty đầu tư 59 tỷ đồng (năm mươi chín tỷ đồng) vào dự án. Lợi nhuận từ việc khai thác, mở bán, giao dịch các sản phẩm bất động sản theo phụ lục hợp đồng bao gồm (59 thửa đất tổng diện tích 4.039,7m2) sẽ được hai bên thống nhất phân chia theo tỷ lệ mỗi bên 50%, lợi nhuận được tính sau khi đã trừ các chi phí hợp lý có liên quan. Tiền vốn đầu tư sẽ được Công ty cổ phần Minh Ngọc hoàn trả cho Công ty căn cứ theo số diện tích đất của Dự án đã bán ra trong năm quyết toán. Tiền vốn đầu tư được hoàn trả cùng lúc với phần lợi nhuận được chia.

4.7. Chi phí trả trước

4.7.1. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	*VND*
CP bảo hiểm	-	18.068.452
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	9.701.161	4.700.000
	9.701.161	**22.768.452**

4.7.2. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2025 *VND*	01/01/2025 *VND*
CP dào đắp san lấp mặt bằng (*)	-	2.349.333.865
Công cụ dụng cụ	8.498.707	5.240.195
Chi phí khác	-	3.906.748
	8.498.707	**2.358.480.808**

(*) Là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động san lấp, đào, phá đất đá khu vực nhà xưởng tại Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Năng, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La (nay là Xã Chiềng Hặc, Tỉnh Sơn La) để tạo mặt bằng khu vực nhà xưởng, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 20 năm.

4.8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	**9.994.000.480**	**1.093.600.000**	**4.781.779.364**	**34.727.273**	**15.904.107.117**
Giảm trong năm	9.994.000.480	1.093.600.000	4.781.779.364	34.727.273	15.904.107.117
- Thanh lý nhượng bán	*9.994.000.480*	*1.093.600.000*	*4.781.779.364*	*34.727.273*	*15.904.107.117*
Số dư cuối năm	-	-	-	-	-
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	**4.505.192.250**	**1.092.905.524**	**1.915.493.838**	**16.226.735**	**7.529.818.347**
Tăng trong năm	306.267.774	694.476	366.346.002	5.321.115	678.629.367
- Khấu hao trong năm	*306.267.774*	*694.476*	*366.346.002*	*5.321.115*	*678.629.367*
Giảm trong năm	4.811.460.024	1.093.600.000	2.281.839.840	21.547.850	8.208.447.714
- Thanh lý, nhượng bán (*)	*4.811.460.024*	*1.093.600.000*	*2.281.839.840*	21.547.850	*8.208.447.714*
Số dư cuối năm	-	-	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	**5.488.808.230**	**694.476**	**2.866.285.526**	**18.500.538**	**8.374.288.770**
Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	-

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại đầu năm là 1.043.600.000 VND tại cuối năm là 0 VND

(*) Trong năm Công ty đã thanh lý

- Nhà xưởng, máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất tinh bột sắn, máy phô tô tài liệu theo Nghị quyết số: 0908/2025/NQ-HĐQT/HSL của Hội đồng quản trị ngày 09/08/2025.

- Xe ô tô Toyota biển số: 30K – 363.59 và Xe ô tô Volvo biển số: 30H- 150.70 theo Biên bản họp của Hội đồng quản trị số:0508/BB-HĐQT/HSL ngày 05/08/2025 và Quyết định số: 0508/2025/QĐ-HSL ngày 05/08/2025 của Tổng Giám đốc Công ty.

4.9. Đầu tư vào công ty con

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc *VND*	Dự phòng *VND*	Giá gốc *VND*	Dự phòng *VND*
Công ty CP Cường Sinh Yên Châu (i)	53.000.000.000	(6.727.559.419)	53.000.000.000	-
Công ty TNHH Nông sản Ngọc Lặc Xanh (nay là Công ty Cổ phần Green Energy and Enviroment)	110.000.000.000	-	110.000.000.000	(355.182.862)
Công ty CP Nông Lâm nghiệp Hồng Hà	98.000.000.000	-	98.000.000.000	(441.471.753)
Công ty CP Milli Land (ii)	45.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Nông nghiệp Bình Thắng (ii)	28.500.000.000	-	-	-
	334.500.000.000	**(6.727.559.419)**	**261.000.000.000**	**(796.654.615)**

(i) Tại ngày 20/08/2025, Công ty đã chuyển nhượng 98,14% cổ phần (tương đương 9.275.000 cổ phần) theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐQT/HSL ngày 20/08/2025, các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và các phụ lục hợp đồng kèm theo đã ký kết ngày 20/08/2025 tại Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu. Dẫn đến Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu không còn là Công ty con của Công ty từ ngày này.

Tuy nhiên, theo các tài liệu được cung cấp, việc thực hiện giao dịch chuyển nhượng này phụ thuộc vào các điều kiện tiên quyết liên quan đến việc triển khai dự án đầu tư của bên nhận chuyển nhượng. Các điều kiện này chưa được đáp ứng đầy đủ tại thời điểm 31/12/2025. Ngoài ra, vào ngày 02/02/2026, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết về việc hủy bỏ toàn bộ các Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên và các bên liên quan đã thống nhất chấm dứt giao dịch.

Chi tiết tại Thuyết minh số 6.2.

(ii) Tại ngày 10/12/2025, Công ty thông qua Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐQT/HSL về việc mua cổ phần để trở thành Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Milli Land và Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Bình Thắng. Công ty dự kiến mua 4.500.000 cổ phần (giá trị tương đương 45.000.000.000 VND), tỷ lệ nắm giữ là 90% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Milli Land và 2.850.000 cổ phần (giá trị tương đương 28.500.000.000 VND), tỷ lệ nắm giữ là 95% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Bình Thắng.

4.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị *VND*	Số có khả năng trả nợ *VND*	Giá trị *VND*	Số có khả năng trả nợ *VND*
Chi Nhánh Tại Thành Phố Hồ Chí Minh - Công Ty Cổ phần Định giá và Tư vấn Đầu tư Quốc Tế	60.000.000	60.000.000	-	-
Công ty TNHH HT Brothers Việt Nam	51.261.783	51.261.783	81.261.783	81.261.783
Các đối tượng khác	12.500.000	12.500.000	17.210.980	17.210.980
	123.761.783	**123.761.783**	**98.472.763**	**98.472.763**

4.11. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Phải thu *VND*	Phải nộp *VND*	Số đã nộp *VND*	Số phải nộp *VND*	Phải thu *VND*	Phải nộp *VND*
Thuế GTGT	-	-	3.825.388.076	3.825.388.076	-	-
Thuế TNDN	-	130.817.672	259.973.446	231.015.681	-	159.775.437
Thuế thu nhập cá nhân	-	4.611.881	37.946.354	42.308.235	-	250.000
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	-	**135.429.553**	**4.127.307.876**	**4.102.711.992**	**-**	**160.025.437**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.12. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 *VND*	01/01/2025 *VND*
Lương Thị Huyền (i)	33.750.000.000	-
Đồng Văn Quang (i)	49.500.000.000	-
Đỗ Thị Duyên (i)	225.000.000	-
	83.475.000.000	**-**

(i) Là khoản tiền nhận từ việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu phải hoàn trả cho các cá nhân (chi tiết tại Thuyết minh số 6.2).

4.13. Vốn chủ sở hữu

4.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu *VND*	Quỹ đầu tư phát triển *VND*	LNST chưa phân phối *VND*	Tổng *VND*
Số dư đầu năm trước	**353.835.080.000**	**4.447.191.254**	**33.306.976.442**	**391.589.247.696**
Tăng trong năm	-	-	2.525.754.558	2.525.754.558
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	31.838.550.000	-	(31.838.550.000)	-
- Lợi nhuận trong năm	-	-	*2.525.754.558*	*2.525.754.558*
Giảm trong năm	-	-	(408.000.000)	(408.000.000)
- Trả thù lao HĐQT,BKS	-	-	(408.000.000)	(408.000.000)
Số dư cuối năm trước	**385.673.630.000**	**4.447.191.254**	**3.586.181.000**	**393.707.002.254**
Số dư đầu năm nay	**385.673.630.000**	**4.447.191.254**	**3.586.181.000**	**393.707.002.254**
Tăng trong năm	-	-	507.648.153	507.648.153
- Lợi nhuận trong năm	-	-	*507.648.153*	*507.648.153*
Giảm trong năm	-	-	(408.000.000)	(408.000.000)
- Trả thù lao HĐQT,BKS			(408.000.000)	*(408.000.000)*
Số dư cuối năm này	**385.673.630.000**	**4.447.191.254**	**3.685.829.153**	**393.806.650.407**

4.13.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2025		01/01/2025	
	Vốn thực góp *VND*	Tỷ lệ %	Vốn thực góp *VND*	Tỷ lệ %
Ông Đỗ Hà Anh	23.735.000.000	6,15%	-	0%
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	-	0,00%	47.960.000.000	12,44%
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	-	0,00%	29.975.000.000	7,77%
Ông Lê Văn Đức	11.990.000.000	3,11%	11.990.000.000	3,11%
Các cổ đông khác	349.948.630.000	90,74%	295.748.630.000	76,68%
	385.673.630.000	**100%**	**385.673.630.000**	**100%**

4.13.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay *VND*	Năm trước *VND*
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	385.673.630.000	353.835.080.000
Vốn góp tăng trong năm	-	*31.838.550.000*
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	385.673.630.000	385.673.630.000

4.13.4. Cổ phiếu

	31/12/2025 *Cổ phiếu*	01/01/2025 *Cổ phiếu*
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**38.567.363**	**38.567.363**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**38.567.363**	**38.567.363**
- Cổ phiếu phổ thông	38.567.363	38.567.363
Số lượng cổ phiếu được mua lại	**-**	**-**
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**38.567.363**	**38.567.363**
- Cổ phiếu phổ thông	38.567.363	38.567.363

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

4.13.5. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay *VND*	Năm trước *VND*
Lợi nhuận đầu năm chưa phân phối	3.586.181.000	33.306.976.442
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm	507.648.153	2.525.754.558
Phân phối các quỹ và chia cổ tức, trong đó:	(408.000.000)	(32.246.550.000)
- Chia cổ tức	-	*(31.838.550.000)*
- Trả thù lao HĐQT;BKS	*(408.000.000)*	*(408.000.000)*
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	**3.685.829.153**	**3.586.181.000**

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay *VND*	Năm trước *VND*
Doanh thu bán hàng hóa	37.879.859.400	19.101.935.681
Doanh thu cho thuê tài sản	496.167.000	425.286.000
	38.376.026.400	**19.527.221.681**

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay *VND*	Năm trước *VND*
Giá vốn hàng hóa đã bán	37.805.038.070	18.152.300.891
Giá vốn cho thuê tài sản	472.499.493	798.059.425
	38.277.537.563	**18.950.360.316**

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay *VND*	Năm trước *VND*
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.580.190.152	713.133.450
Lãi bán các khoản đầu tư	3.809.004.705	3.883.026.659
	9.389.194.857	**4.596.160.109**

5.4. Chi phí tài chính

	Năm nay *VND*	Năm trước *VND*
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	6.727.559.419	460.629.580
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	(796.654.615)	-
Chi phí tài chính khác	115.563.051	-
	6.046.467.855	**460.629.580**

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	-	64.936.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	263.000.000	79.627.620
	263.000.000	**144.563.620**

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	757.736.860	606.040.029
Chi phí vật liệu quản lý	-	6.649.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	52.656.384	322.665.840
Chi phí khấu hao TSCĐ	386.443.195	606.404.244
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.137.058.127	259.118.865
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	20.284.315	36.604.883
	2.359.178.881	**1.842.482.861**

5.7. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập thanh lý CCDC	2.206.000.000	
Các khoản khác	250.000	-
	2.206.250.000	**-**

5.8. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thanh lý TSCĐ	126.659.402	-
Chi phí thanh lý CCDC	2.208.020.545	-
Thuế bị phạt, lãi chậm nộp	14.532.481	39.815.418
Các khoản khác	37.608.705	-
	2.386.821.133	**39.815.418**

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm nay hiện hành	130.817.672	159.775.437
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**130.817.672**	**159.775.437**

5.10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính tổng hợp vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính tổng hợp thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

5.11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay *VND*	Năm trước *VND*
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	541.284.820
Chi phí nhân công	757.736.860	670.976.029
Chi phí khấu hao tài sản cố định	439.099.579	1.125.308.489
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.137.058.127	442.536.612
Chi phí khác bằng tiền	283.229.315	-
	2.622.123.881	**2.785.105.950**

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

6.1. Nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

6.2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tại ngày 20 tháng 8 năm 2025, Công ty đã có nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐQT/HSL ngày 20/08/2025 (đã công bố thông tin) về việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu. Công ty đã thực hiện ký hợp đồng thanh lý toàn bộ số lượng cổ phần nắm giữ (tỷ lệ sở hữu 98,14% tương đương 9.275.000 cổ phần) cho bà Lương Thị Huyền, ông Đồng Văn Quang, bà Đỗ Thị Duyên theo các hợp đồng số: 01/2025/HĐCNCP-LTH, 01/2025/HĐCNCP-DVQ, 01/2025/HĐCNCP-DTD ngày 20/08/2025 và các Phụ lục kèm theo số: 01/2025/PLHĐCNCP-LTH, 01/2025/PLHĐCNCP-DVQ, 01/2025/PLHĐCNCP-DTD tại Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu. Dẫn đến, Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu không còn là Công ty con của Công ty sau ngày thoái vốn.

Tuy nhiên, do bên nhận chuyển nhượng chưa hoàn tất các điều tiên quyết kèm theo liên quan đến việc được cấp phép chủ trương đầu tư dự án "Nhà máy Sản xuất Tinh bột sắn, Tinh bột biến tính Hữu Đức Phú Yên" theo quy định tại các phụ lục hợp đồng. Ngày 02/02/2026, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐQT/HSL thông qua việc hủy bỏ toàn bộ các Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần nêu trên và hoàn trả lại tiền giao dịch cho bên mua cổ phần của Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu. Theo đó, các bên thống nhất chấm dứt giao dịch và hoàn trả lại quyền và nghĩa vụ liên quan đến khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá đây là sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần điều chỉnh. Do đó, Công ty không thực hiện việc thoái vốn và ghi nhận hợp nhất Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, Công ty cam kết không thoái vốn Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu không thoái vốn trong vòng 02 (hai) năm kể từ ngày 31/03/2026 và Công ty có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền mua cổ phần của Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu cho Bà Lương Thị Huyền, Ông Đồng Văn Quang và Bà Đỗ Thị Duyên như đã trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

6.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

6.3.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng thành viên và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Thu nhập các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Chức danh	Năm nay		Năm trước	
		Tiền lương	Thù lao		Thù lao
		VND	*VND*	*VND*	*VND*
Hội đồng quản trị					
Ông Lê Văn Đức	Chủ tịch HĐQT	50.884.000	30.000.000	67.336.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thành viên HĐQT	-	30.000.000	-	60.000.000
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	-	30.000.000	-	60.000.000
Ông Lưu Chiến Thắng	Thành viên HĐQT	-	30.000.000	-	60.000.000
Ban Kiểm soát					
Ông Dương Quân Anh	Trưởng ban	-	18.000.000	-	36.000.000
Ông Đặng Quốc Hưng	Thành viên	53.674.000	18.000.000	58.004.000	36.000.000
Bà Bùi Phương Anh	Thành viên	53.674.000	18.000.000	69.256.000	36.000.000
Ban Điều hành					
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Tổng Giám đốc (Đã miễn nhiệm ngày 15/08/2025)	73.784.000	30.000.000	63.256.000	60.000.000
Ông Phạm Văn Luận	Tổng Giám đốc	62.616.315	-	-	-
Ông Phan Giang Châu	Kế toán trưởng	16.666.665	-	-	-
Bà Trần Ngọc Lan	Kế toán trưởng (Đã miễn nhiệm ngày 15/08/2025)	53.674.000	-	69.256.000	-
		364.972.980	**204.000.000**	**327.108.000**	**408.000.000**

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty không có số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

6.3.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Danh sách bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Địa chỉ	Mối quan hệ
Công ty CP Green Energy & Environment (Chuyển đổi từ Công ty TNHH Nông Sản Ngọc Lặc Xanh)	Thanh Hóa	Công ty con
Công ty CP Nông lâm nghiệp Hồng Hà	Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu	Sơn La	Công ty con
Công ty CP Milli Land	Khánh Hòa	Công ty con
Công ty CP Đầu tư Nông nghiệp Bình Thắng	Vĩnh Long	Công ty con
Công ty CP Dịch vụ, sản xuất và Kinh doanh Lâm nghiệp Hà Nội	Hà Nội	Công ty liên kết của Công ty con

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong năm có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các Bên có liên quan như sau:

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	Nội dung	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP Green Energy & Environment (Chuyển đổi từ Công ty TNHH Nông Sản Ngọc Lặc Xanh)	Cho thuê tài sản	-	467.814.600
		-	**467.814.600**

Doanh thu tài chính	Nội dung	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Hồng Hà	Lãi cho vay	872.833.425	-
		872.833.425	**-**

Các giao dịch khác	Nội dung	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Hồng Hà	Cho vay	26.000.000.000	32.460.000.000
	Thu tiền lãi cho vay	407.733.696	433.533.697
	Thu tiền cho vay	32.460.000.000	265.915.068
		58.867.733.696	**33.159.448.765**

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên liên quan khác

Phải thu khác	Nội dung	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Hồng Hà	Lãi vay phải trả	433.095.892	167.618.629
		433.095.892	**167.618.629**

6.4. Thông tin về bộ phận

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các hoạt động kinh doanh sau
- Hoạt động sản xuất, chế biến;
- Hoạt động thương mại;
- Hoạt động khác: Cho thuê tài sản;

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày tại Phụ lục số 01.

Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty trong kỳ chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
PHAN GIANG CHÂU	PHAN GIANG CHÂU	PHẠM VĂN LUẬN

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 03 năm 2026